TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-PT
Ngày: 13 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Ông Nguyễn Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 25 tháng 12 năm 2025, ngày 10 và 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 495/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 361/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 636/TB-TA ngày 01 tháng 12 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 44/2025/QĐPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 48/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 13, đường số 22, thôn M , xã N, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Số nhà 13, đường số 22, thôn 2, xã M, Huyện Đ, tỉnh B)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đại B, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 1, phường T1, thành phố H8 (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2025).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985 và ông Trương Thanh H, sinh năm 1979

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh H: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Số nhà 43, đường số 43, thôn SN3, xã N, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Số nhà 43, đường số 43, thôn 3, xã SN, huyện Đ, tỉnh B) (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Phạm Thị N và ông Trương Thanh H: Ông Trần Cao C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 250, Đường M - Đ, thôn SN1, xã N, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Số 250, Đường M - Đ, tổ 2, thôn 1, xã SN, huyện Đ, tỉnh B) (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2025).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Phạm Thị N.

Tại phiên tòa, có mặt Bà Võ Thị T, ông Vũ Đại B, bà Phạm Thị N và ông Trần Cao C; vắng mặt ông Trương Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Võ Thị T và Ông Vũ Đại B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà Võ Thị T có cho vợ chồng ông Trương Thanh H, bà Phạm Thị N vay tiền 02 lần, các lần cụ thể như sau: Ngày 31/01/2025, ông H và bà N vay 1.600.000.000 đồng; Ngày 01/02/2025, ông H và bà N vay 1.604.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H, bà N vay của bà T là 3.204.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có thỏa thuận 01 tháng sau sẽ trả và thỏa thuận lãi 1,66%/tháng.

Đến nay đã quá thời gian trả nợ nhưng ông H, bà N vẫn chưa trả tiền gốc và lãi, mặc dù bà T đã tìm gặp đòi nhiều lần, vợ chồng ông H, bà N hứa hẹn nhưng không chịu trả.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông H, bà N có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 3.204.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 01/02/2025 đến 01/04/2025 là 106.372.000 đồng; Tổng số tiền yêu cầu ông H, bà N phải trả cho bà T là 3.310.372.000 đồng.

Ngoài ra, bà T còn yêu cầu bà N, ông H tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc 3.204.000.000 đồng, kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi vụ án giải quyết xong.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 28/4/2025, bị đơn Bà Phạm Thị N (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Thanh H) trình bày:

Bà N và bà T có làm ăn vay mượn tiền từ nhiều năm qua; Cụ thể: Bà T cho bà N vay tiền lấy lãi, số tiền 1.600.000.000 đồng, với số tiền lãi đóng mỗi tháng bà N trả là 64.000.000 đồng. Tiếp sau đó, bà T cho bà N vay 1.370.000.000 đồng, với số tiền này thì bà N trả lãi hàng tuần cho bà T là 13.335.000 đồng. Hai khoản vay này bà N đều trả lãi đầy đủ cho bà T hàng tháng và hàng tuần từ tháng 6/2023 đến ngày 02/3/2025.

Ngày 01/3/2025, bà N còn trả tiền lãi cho bà T 35.000.000 đồng và ngày 02/3/2025, trả cho bà T số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Vào thời gian tháng 01/2025, bà N chưa kịp gửi lãi cho bà T thì bà N bảo bà T chuyển tiền lãi này vào số tiền gốc giúp em bà N.

Qua quá trình làm ăn thì bà T và bà N chỉ thông qua zalo, không ghi giấy tờ.

Đến ngày 31/01/2025, bà T bảo bà N gửi Căn cước công dân của hai vợ chồng qua để bà T ghi giấy mượn tiền và gọi vợ chồng bà N xuống nhà ký.

Sau đó, bà T lên cơ quan bà N gặp lãnh đạo của bà N và lên nhà bà N, nhà ba mẹ ruột bà N, xóm làng của bà N nên uy tín của bà N không còn để vay tại các Ngân hàng để trả nợ cho bà T, nhiều lần bà N có hẹn trả cho bà T nhưng không vay mượn được nên không trả cho bà T đúng hẹn. Em dâu của bà N làm nghề cò đất có đăng lô đất nào lên bán bà T vào facebook bình luận lô đất của bà N đề nghị không mua để tránh tranh chấp; bà T nói bà N tẩu tán tài sản, cụ thể gần đây nhất vào ngày 25/4/2025, em bà N có đăng bán đất thì bà T chia sẻ bài viết này vào Hội đồng hương Đ, TL với nội dung chia sẻ kèm theo bài viết như sau: *"lô đất này của bà Phạm Thị N xã SN thiếu nợ tôi đang khởi kiện, bà muốn tẩu tán tài sản đang tranh chấp, thông báo mọi người không nên mua sẽ gặp rắc rối nhé!"*.

Bà N làm ăn lãi lời một tháng đem về lợi nhuận cho bà T mỗi tháng trên dưới 100 triệu đồng, nhưng cho đến nay, tự bà T không đồng ý sự thỏa thuận của bà N nên đã gửi đơn kiện ra Tòa.

Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2025, bà N có ý kiến như sau:

Về số tiền bà N nợ của bà T: Lần 1 là 1.600.000.000 đồng, số tiền gốc lần 2 là 1.370.000.000 đồng. Bà N sẽ trả cho bà T mỗi tháng 10.000.000 đồng (vì lãi mỗi tháng đã trả cho bà T quá nhiều từ tháng 6/2023 đến ngày 02/3/2025). Vì hiện nay, tài sản bà N đều đã thế chấp tại Ngân hàng, ngoài số tiền bà N nợ bà T, bà N còn nợ rất nhiều người nữa. Bà N không có khả năng chi trả cho bà T số tiền một lần được nên bà N có nguyện vọng thỏa thuận trả nợ cho bà T mỗi tháng 10 triệu đồng, trả đến khi hết số tiền gốc, số tiền lãi bà N xin tạm không trả nữa.

Tại phiên hòa giải ngày 28/5/2025, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị N và ông Trương Thanh H trình bày không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 95, Điều 235, khoản 1 Điều 147, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị T.

Buộc ông Trương Thanh H và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Võ Thị T số tiền nợ vay gốc theo 02 giấy vay tiền đề ngày 31/01/2025 và ngày 01/02/2025 là 3.204.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 304.576.000 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Buộc ông Trương Thanh H và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ nộp số tiền 102.171.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 49.137.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ cũ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng) theo biên lai thu tiền số 0005351 ngày 10/4/2025.

3. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng cho đến khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2025, bà Phạm Thị N kháng cáo đề nghị xem xét lại Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Phạm Thị N và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo của bị đơn và trình bày ý kiến:

Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ duy nhất vào 02 Giấy vay tiền để xác định nghĩa vụ trả nợ của bị đơn là chưa đảm bảo nguyên tắc đánh giá chứng cứ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, chưa khách quan.

Thứ hai: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai nghĩa vụ chứng minh, cụ thể: Trong vụ án này nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả hơn 3,2 tỷ; tuy nhiên, nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc giao tiền tại thời điểm lập giấy vay ngày 31/01/2025 và ngày 01/02/2025, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ chứng minh, mà lại cho rằng bị đơn không chứng minh được việc trả tiền nên phải chịu toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Thứ ba: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các giao dịch chuyển khoản giữa bị đơn và nguyên đơn không ghi nội dung nên không có giá trị chứng minh; đồng thời, không tiến hành đối chất việc chuyển khoản giữa hai bên nhưng đã loại bỏ chứng cứ chuyển khoản một cách chủ quan.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Trường hợp không hủy Bản án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét

xử cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đánh giá lại toàn bộ chứng cứ, xác định lại nghĩa vụ thực tế mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn bà Võ Thị T và người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Vì vợ chồng bà N, ông H ký giấy xác nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện; ngoài ra, bà N còn thừa nhận các khoản vay này tại cuộc họp do cơ quan bà N chủ trì giải quyết liên quan đến tranh chấp khoản tiền vay giữa bà N và bà T.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt ông Trương Thanh H, nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị N và Ông Trần Cao C, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Thanh H theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với 02 giấy vay tiền ngày 31/01/2025 và ngày 01/02/2025: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày do có mối quan hệ quen biết nên bà T cho vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Trương Thanh H vay 02 lần vào các ngày 31/01/2025 (vay 1.600.000.000 đồng) và ngày 01/02/2025 (vay 1.604.000.000 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Võ Thị T đều thừa nhận không phải ngày vay là ngày viết giấy vay tiền mà 02 giấy vay tiền này được viết vào cùng một ngày để xác nhận lại các khoản vợ chồng bà N, ông H đã vay trước đây. Tuy nhiên, bà Võ Thị T không chứng minh được cộng các khoản nào ra được 02 khoản tiền 1.600.000.000 đồng và 1.604.000.000 đồng như 02 giấy vay tiền hai bên đã ký xác nhận, dù Tòa án cấp phúc thẩm đã hai lần ngừng phiên tòa để bà T tính toán lại các khoản nợ. Vì vậy, 02 giấy vay tiền ngày 31/01/2025 và ngày 01/02/2025 chưa đảm bảo tính khách quan của chứng cứ.

[2.2] Xét quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại buổi hòa giải ngày 28/4/2025 (bút lục 22), bà Phạm Thị N thừa nhận và đồng ý trả cho bà Võ Thị T tiền gốc 2.970.000.000 đồng, không đồng ý trả 3.204.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền ngày 31/01/2025 và ngày 01/02/2025; đồng thời, không đồng ý trả lãi do đã trả lãi nhiều rồi.

Tại Bản khai ngày 28/4/2025 (bút lục 49) do chính bà Phạm Thị N viết, bà N thừa nhận có vay của bà T 02 khoản, gồm 1.600.000.000 đồng và 1.370.000.000 đồng, tổng là 2.970.000.000 đồng; Hai bên làm ăn qua zalo, không có giấy tờ gì; Đến ngày 31/01/2025, mới ghi 02 giấy nợ như nguyên đơn xuất trình, ghi cùng ngày chứ không phải mỗi ngày vay 01 khoản và đồng ý trả 2.970.000.000 đồng cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cho rằng do chưa đối chiếu kỹ lại các khoản vay nên mới khai nhận có nợ 02 khoản tiền như trên, thực tế lời khai này không chính xác. Tuy nhiên, bà N thừa nhận tại thời điểm khai như trên, bà N khai là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì, nên lời khai lại tại phiên tòa phúc thẩm của bà N là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với các khoản tiền chuyển khoản qua lại giữa nguyên đơn và bị đơn qua hệ thống ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy việc chuyển tiền không thể hiện nội dung chuyển khoản là tiền gì và đều thực hiện trước thời điểm hai bên xác nhận nợ vào ngày 31/01/2025, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá. Riêng hai khoản tiền bà N chuyển khoản cho bà T ngày 01/3/2025 (chuyển 35.000.000 đồng) và ngày 02/3/2025 (chuyển 15.000.000 đồng), hai bên đều thừa nhận bà N chuyển khoản để trả tiền lãi sau khi hai bên xác nhận nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trừ khoản tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4] Từ nhận định trên, đủ cơ sở xác định thời điểm nguyên đơn Bà Võ Thị T và bị đơn vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Trương Thanh H viết 02 giấy nhận nợ là ngày 31/01/2025 để chốt các khoản nợ mà vợ chồng bà N, ông H vay của bà T và số nợ vợ chồng bà N, ông H còn nợ bà T là 2.970.000.000 đồng.

[2.5] Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều thừa nhận vay có lãi, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/02/2025 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Tuy nhiên, do số tiền gốc được xác định là 2.970.000.000 đồng, nên lãi suất được tính lại như sau: Từ ngày 01/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2025 là 06 tháng 20 ngày x 1,66%/tháng x 2.970.000.000 đồng = 328.680.000 đồng.

Bà T thừa nhận vào ngày 01 và 02/3/2025, bà N có chuyển khoản trả lãi cho nguyên đơn tổng số tiền 50.000.000đồng; do đó, cấn trừ số tiền này vào số tiền lãi thì bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 278.680.000 đồng tiền lãi.

[3] Từ cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên người kháng cáo bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp và nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Bà Phạm Thị N; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – L.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ Thị T:

Buộc ông Trương Thanh H và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị T 2.970.000.000 đồng *(Hai tỷ, chín trăm bảy mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2025 là 278.680.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Thanh H, bà Phạm Thị N phải trả 234.000.000 đồng *(Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng)* nợ gốc và 25.896.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng)* tiền lãi.

3. Về án phí:

- Buộc ông Trương Thanh H, bà Phạm Thị N phải chịu 96.973.600 đồng *(Chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Võ Thị T phải chịu 12.994.800 đồng *(Mười hai triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 49.137.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005351 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; Hoàn trả lại cho bà Võ Thị T 36.142.200 đồng *(Ba mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm đồng)*.

- Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị N 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003144 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L.

4. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/01/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh L;
- TAND khu vực 17 – L;
- VKSND khu vực 17 – L;
- Phòng THADS khu vực 17 – L;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Anh Dũng Lê Minh Tuấn **Nguyễn Hồng Thái**